

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dinh và ông Ngô Minh Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Tạ Thị C**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Anh Đ và chị C đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2024, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/11/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà anh ở thôn S, xã H, huyện T. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân vô cùng căng thẳng. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ giữa năm 2018, chị C cùng con gái đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn D, xã H, huyện T sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn

nhân không có hạnh phúc, hai bên không còn quan tâm đến nhau, anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Về con chung: Anh và chị C có một con chung là Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 31/7/2015, hiện đang sống với chị C. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Theo bản tự khai đề ngày 28/02/2024, bị đơn – chị Tạ Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh Đ tại thôn S, xã H, huyện T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, không còn hỏi han quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Đ xin ly hôn, chị là người Công giáo nên chị không thể hiện quan điểm về việc ly hôn anh Đ, chị đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung như anh Đ đã trình bày, hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị tiếp tục để chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không phản đối việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 22/3/2024, Ủy ban nhân dân xã H, huyện T cung cấp như sau:

Anh Phạm Văn Đ, sinh ngày 20/10/1991 có căn cước công dân số 034091003428 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/12/2022 và chị Tạ Thị C, sinh ngày 29/8/1991 có căn cước công dân số 034191003006 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022 đều là công dân có hộ khẩu thường trú xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh Đ và chị C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/11/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn S đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo địa phương nắm được là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về cách sống, cách sinh hoạt hàng ngày dẫn đến tình trạng cãi vã, mâu thuẫn với nhau, ngoài ra còn mâu thuẫn nào khác hay không thì địa phương không nắm được. Việc mâu thuẫn đã được hoà giải nhưng không có kết quả. Khoảng cuối năm 2018 thì có việc anh Đ và chị C ly thân nhau, chị C cùng con chung của anh chị chuyển nhà mẹ đẻ tại thôn D sinh sống còn anh Đ vẫn sinh sống ở

thôn S. Do chị C là người Công giáo nên chị C không có quan điểm về việc giải quyết ly hôn. Nay anh Đ xin ly hôn chị C, đề nghị Tòa án hòa giải để các đương sự đoàn tụ, trường hợp mâu thuẫn đã trầm trọng, các đương sự cương quyết xin ly hôn do thời gian ly thân quá lâu thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Theo quản lý khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã H thì anh Đ và chị C có 01 con chung là Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 31/7/2015. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị C1 phát triển khoẻ mạnh cả về thể chất và tinh thần. Về con chung địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, tuy nhiên đề nghị Tòa án căn cứ vào hoàn cảnh của anh Đ và chị C hiện tại để đảm bảo tốt nhất sự phát triển của trẻ em.

Về tài sản chung và nợ chung giữa Đ và chị C địa phương không nắm được. Hiện không có tổ chức, cá nhân nào phản ánh với địa phương về việc vay nợ với chị C và anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn chị Tạ Thị C; Về con chung: Giao con chung Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 31/7/2015 cho chị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay chị C đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn Đ và chị Tạ Thị C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53 ngày 24/11/2014. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ giữa năm 2018, chị C cùng con gái đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn D, xã H, huyện T sinh sống, từ đó đến nay không hỏi han đến nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ xin ly hôn chị C là người Công giáo nên đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị C là có thật và đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ cương quyết xin ly hôn, cần xử cho anh Đ được ly hôn chị C là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Đ và chị C có một con chung là Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 31/7/2015, hiện đang ở cùng với chị C. Ly hôn anh Đ và chị C thỏa thuận để chị C trực tiếp nuôi con chung, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cháu L cũng có đơn xin được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của anh Đ và chị C cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu Khánh L, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử giao con chung Phạm Ngọc Khánh L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị C không có nợ chung, đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Anh Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn chị Tạ Thị C.

2. Về con chung: Anh Đ và chị C có một con chung là Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 31/7/2015. Giao cho chị Tạ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Ngọc Khánh L. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004082 ngày 28/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, anh Đ còn phải thi hành 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã H;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh